

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HS-ST

Ngày 17 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quản Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; ĐKKHTT: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Th; vợ: Đỗ Thị M và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Bản án số: 68/2013/HSST ngày 30/8/2013 xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/9/2020, có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ Dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 22/9/2020, Nguyễn Văn H đến nhà anh Bùi Văn T ở thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc chơi và ở lại ăn, ngủ tại nhà anh T. Đến khoảng 15 giờ ngày 24/9/2020, sau khi ngủ dậy, H ra phòng khách không thấy ai ở nhà, H nhìn thấy chiếc xe máy điện, BKS 88MĐ6-045.18 nhãn hiệu ANBICO, màu sơn đen của chị Nguyễn Thị Ph (vợ anh T), H lấy chìa khóa xe trên nóc tủ lạnh mở khóa điều khiển xe đi. Khi đến Tổ Dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, H vào Cơ sở

kinh doanh dịch vụ cầm đồ “Tuần Chiên” gặp anh Trịnh Văn T, H nói “Anh cho em cầm chiếc xe”, T xem xe xong nói “Có giấy tờ gì không”, H nói “Có, giấy tờ để trong cốp xe”, T nói “Thế chú cầm bao nhiêu”, H nói “5.000.000đ”. H và T thống nhất giá cầm xe là 4.000.000đ, lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/ngày, H cầm 4.000.000đ và chỉ tiêu hết.

Ngày 30/9/2020, chị Nguyễn Thị Ph trình báo Công an và giao nộp 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, Nguyễn Văn H ra đầu thú, anh Trịnh Văn T giao nộp 01 xe máy điện, BKS 88MĐ6-045.18, 01 Giấy bán xe và 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của Cơ sở kinh doanh cầm đồ Tuần Ch.

Kết luận định giá tài sản số: 595/KL-HĐĐG ngày 06/10/2020 Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị của tài sản (01 xe máy điện, nhãn hiệu ANBICO, màu sơn đen, loại xe GOGO. BKS 88MĐ6-045.18. Tài sản đã cũ, đã qua sử dụng) là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định:

Trịnh Văn T khi nhận cầm cố không biết nguồn gốc chiếc xe, chưa thu khoản tiền lãi nào, T nhận cầm cố xe không có giấy đăng ký xe. Công an huyện Tam Đảo ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 176/QĐ-XPHC ngày 23/11/2020 đối với Trịnh Văn T về hành vi “Nhận cầm cố tài sản mà theo quy định tài sản đó phải có giấy tờ sở hữu nhưng không có các loại giấy tờ đó”. Trịnh Văn T yêu cầu Nguyễn Văn H phải hoàn trả số tiền cầm cố xe là 4.000.000đ.

Ngày 08/11/2020 và ngày 23/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo trả lại: Chị Nguyễn Thị Ph 01 xe máy điện BKS 88MĐ6-045.18 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, chị Ph không có yêu cầu gì; Anh Trịnh Văn T 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của Cơ sở kinh doanh cầm đồ Tuần Ch.

Tại Bản Cáo trạng số: 63/CT-VKSTĐ ngày 29/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, phạt: Nguyễn Văn H từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù; đề nghị giải quyết về bồi thường và xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo cũng như giải quyết bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện như sau: Khoảng 15 giờ ngày 24/9/2020 tại gia đình anh Nguyễn Văn T ở thôn C, xã H, huyện T, Nguyễn Văn H đã trộm cắp 01 xe máy điện BKS 88MĐ6-045.18 (trị giá 8.500.000đ) của chị Nguyễn Thị Ph (vợ anh T), sau đó H điều khiển xe đến Cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ “Tuấn Chiên” cầm cố cho anh Trịnh Văn T được 4.000.000đ và chỉ tiêu cá nhân hết.

[4]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..”. Do đó, Bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo đưa ra xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số: 68/2013/HSST ngày 30/8/2013 nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Không.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8]. Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Về dân sự: Quá trình điều tra anh Trịnh Văn T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền cầm cố xe là 4.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh T. Xét thấy, yêu cầu về bồi thường của anh T là có căn cứ, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo mức anh T đưa ra nên cần được chấp nhận.

[10]. Về vật chứng: Xác nhận ngày 08/11/2020 Cơ quan điều tra trả lại cho: Chị Nguyễn Thị Ph 01 xe máy điện BKS 88MĐ6-045.18 và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; Anh Trịnh Văn T 01 Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của Cơ sở kinh doanh cầm đồ Tuấn Chiên.

[11]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30/9/2020).

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc: Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Trịnh Văn T số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc Nguyễn Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Bị cáo, DS;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu

